

## II. BÀI TẬP

### **Bài 5: Công ty kinh doanh nước đá sạch ICECOLD**

(Trong bài luyện tập này tất cả các con số đều được chuyển từ giá trị tương ứng bằng nội tệ sang đồng \$. Ngày tháng không thay đổi bởi các bối cảnh phù hợp với thời điểm xem xét.)

#### **Thông tin về bối cảnh chung**

Công ty nói trên hiện đang là khách hàng của ngân hàng bạn và mối quan hệ này đã được nhiều năm rồi. Công ty này đã từng là một doanh nghiệp nhà nước cho đến khi nó được cổ phần hoá vào năm 1993. Công ty sản xuất và bán kem lạnh với thị trường trước đây là các quán cà phê, các nhà ăn của các doanh nghiệp quốc doanh lớn cũng như các cửa hàng và quầy kinh doanh ở vùng Xim-phê-rô-pôn thuộc nước cộng hoà Ucraina (đặc biệt ở thành phố Crum). Ban giám đốc của công ty không thay đổi kể từ sau khi tư nhân hoá. Bạn biết họ rất rõ và họ là những người rất có uy tín tuy bị coi là hơi thận trọng quá mức.

Công ty thuê một nhà máy sản xuất từ cơ quan hành chính địa phương ở vùng ngoại ô Xim-phê-rô-pôn. Nhà máy sản xuất này rộng hơn mức cần thiết cho nhu cầu của công ty mặc dù cơ sở ở đây rất cần phải được xây mới lại bởi cách bố trí là không hiệu quả. Vào năm 1994 công ty mua thêm một miếng đất liền kề từ một doanh nghiệp tư nhân trước đây từng được dùng làm bãi đỗ xe và kho chứa nguyên vật liệu.

Công ty vận hành 6 dây chuyền sản xuất nhưng các thiết bị đều đã cũ và ít nhất có một dây chuyền thường xuyên phải nghỉ để sửa chữa. Các loại máy móc nói chung cũng trong tình trạng không còn tốt. Lực lượng lao động của công ty tổng cộng khoảng trên 150 người. Phần lớn những người lao động này đã từng làm cho công ty trong nhiều năm và có tay nghề cao trong công việc của mình.

Công ty không có vấn đề gì trong việc mua nguyên vật liệu, chủ yếu là từ các nông trang lớn. Chất lượng sản phẩm của công ty khá tốt và được nhiều người biết đến, mặc dù việc cung cấp hàng hoá thường hay bị chậm trễ.

Hồ sơ về công ty tại ngân hàng trước kia là khá hài lòng. Để mua mảnh đất vào năm 1994 trị giá 250.000 \$, ngân hàng đã cấp cho công ty một khoản vay trị giá 200.000 \$. Tuy nhiên mặc dù có dự báo khả quan nhưng công ty đã không trả được nợ gốc mặc dù vẫn trả đủ nợ lãi. Chỉ có rất ít lần họ chậm trả nhưng chưa lần nào vượt quá 45 ngày.

Ngân hàng đã lấy thế chấp cho khoản vay là mảnh đất thuộc sở hữu của công ty. Ban giám đốc của công ty cho rằng giá trị của mảnh đất đó hiện nay là 400.000 \$ nhưng chưa có một đánh giá chính thức nào được thực hiện.

Ban giám đốc nhận thấy và quả thật là có thể thấy rất rõ rằng kết quả hoạt động của doanh nghiệp đang đi xuống khi so sánh với các số liệu trong quá khứ. Họ đã nhận biết được lý do xoay quanh việc doanh thu sút giảm. Không có gì ngạc nhiên là nhiều nhà máy quốc doanh lớn đã hoặc đóng cửa, hoặc phải làm việc với số nhân công ít hơn. Để khắc phục được những khó khăn của mình, ban giám đốc mong muốn hiện đại hoá cơ sở nhà xưởng, các máy móc và đặc biệt là thiết bị sản xuất. Tác động của việc này sẽ là tăng hiệu suất và mức độ tin cậy cũng như giảm chi phí quản lý chung. Khoảng 25% nhân công sẽ phải thôi việc.

Công ty cũng dự định chuyển từ thị trường truyền thống của mình là các khách sạn, khu nghỉ điều dưỡng, các cửa hàng, v.v... sang các khu nghỉ mát ở Crum (một địa điểm nghỉ mát rất nổi tiếng đối với người dân của Liên xô cũ).

Tất cả ban giám đốc mới đây đã thực hiện một nghiên cứu thị trường ở tất cả các vùng đô thị thành phố và đã lập một báo cáo tiếp thị chỉ ra rằng vẫn còn có những nhu cầu chưa được ai đáp ứng.

Vị trí của công ty cho họ một lợi thế rõ rệt.

Công ty đã tính toán tất cả các chi phí cần thiết và các con số là như sau:

Xây mới lại cơ sở nhà xưởng	75.000
Các dây chuyền sản xuất mới	270.000
Các máy móc mới	100.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>445.000</b>

Thiết bị cho các dây chuyền sản xuất mới sẽ được nhập khẩu từ Italy. Các cuộc thảo luận đã được tiến hành với một nhà cung cấp tiềm năng có khả năng cung cấp và lắp đặt gần như ngay lập tức.

Công ty không có nguồn tiền mặt dự trữ nào và vì vậy đề nghị ngân hàng tài trợ cho toàn bộ dự án với một khoản vay trong vòng 5 năm. Họ muốn gộp luôn khoản vay hiện tại để thành một khoản lớn tổng cộng là 625.000 \$.

Các dự báo tài chính được công ty lập cho thấy họ sẽ có đủ năng lực để thanh toán khoản nợ sau thời kỳ đó.

Để thế chấp cho khoản vay, công ty đề nghị sử dụng thế chấp hiện tại cùng với thiết bị sản xuất mới với tổng giá trị là 745.000 \$. Như vậy khoản thế chấp đã vượt quá tổng số nợ sẽ vay của công ty đối với ngân hàng.

### **Trả nợ**

Công ty đã lập ra các dự báo tài chính cho ba năm kinh doanh tiếp theo sau khi mọi công việc được hoàn thành.

Các con số cho thấy trong năm đầu tiên, do cần phải phát triển thị trường nên công ty thực tế là chỉ trả được nợ lãi.

Hai năm tiếp theo cho thấy khả năng trả cả nợ lãi lẫn nợ gốc ở mức tương ứng là 100.000 \$ và 175.000 \$.

### **Các thông tin tài chính**

Công ty cung cấp các thông tin về 3 năm kinh doanh gần đây nhất:

#### **Báo cáo lỗ lãi**

	1995	1996	1997
Tổng doanh thu	\$1.700.000	\$1.800.000	\$1.800.000
Tổng chi phí	\$1.600.000	\$1.750.000	\$1.800.000
Lãi/Lỗ	\$ 100.000	\$ 25.000	\$0

#### **Bảng cân đối tài sản**

Tài sản có	1995	1996	1997	Tài sản nợ	1995	1996	1997
Đất đai	200.000	300.000	400.000	Phải trả	80.000	100.000	150.000
Thiết bị	150.000	125.000	100.000				
Máy móc xe cộ	70.000	60.000	50.000				
Tiền mặt	5.000	5.000	10.000	Nợ NH	200.000	200.000	200.000
Phải thu	80.000	65.000	40.000	Nợ khác	50.000	50.000	50.000
Hàng tồn kho	25.000	30.000	45.000				
Nguyên vật liệu	50.000	60.000	50.000	Vốn tự có	252.000	285.000	295.000
Tổng cộng	535.000	635.000	695.000	Tổng cộng	535.000	635.000	695.000

### **Yêu cầu:**

Hãy sử dụng mô hình phân tích SWOT để phân tích đánh giá Công ty ICECOLD làm cơ sở ra quyết định việc cho vay.

#### **Bài 1: Kế hoạch tài chính**

Công ty Lao muốn có một kế hoạch tài chính cho ba tháng tới, bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2005. Công ty mong muốn có số dư tiền mặt tối thiểu cuối kỳ là 4000 triệu won mỗi tháng. Dự báo doanh số bán với mức giá bán trung bình 4 triệu won một đơn vị. Giả sử hàng tồn kho bằng 125% số đơn vị bán tháng tiếp theo ngoại trừ cuối tháng Ba.

Hàng tồn kho vào ngày 31 tháng 3 theo đơn vị hàng hoá bằng 75% số bán của tháng tiếp. Chi phí hàng hoá là 2 triệu won một đơn vị. Các đợt mua hàng trong bất kỳ tháng nào được thanh toán đầy đủ trong tháng tiếp theo. Tất cả hàng hoá là bán chịu, phải trả trong vòng 30 ngày, nhưng kinh nghiệm cho thấy 40% hàng bán thu được tiền trong ngay tháng đó, 40% trong tháng sau và 20% trong tháng sau nữa. Nợ khó đòi là không đáng kể.

Chi phí hoạt động hàng tháng như sau (đơn vị triệu won):

Lương và tiền công	12000
Bảo hiểm đến hạn	100
Khấu hao	200
Linh tinh	2000
Cho thuê	100 + 10% doanh thu

Trả tiền cổ tức 1000 triệu won hàng quý, bắt đầu từ 15 tháng 1, và được công bố vào ngày 15 của tháng trước. Tất cả các khoản chi phí hoạt động được thanh toán khi phát sinh, ngoại trừ bảo hiểm, khấu hao, và đi thuê. Tiền thuê 100 triệu won được thanh toán vào đầu mỗi tháng, và thêm 10% doanh thu được trả hàng quý vào ngày 10 của tháng sau quý đó. Lân thanh toán sau đến hạn vào ngày 10 tháng Giêng.

Công ty lên kế hoạch mua một số đồ đạc cố định mới, với 2000 triệu won tiền mặt, vào tháng Ba.

Tiền có thể vay và trả nợ làm nhiều lần, mỗi lần 500 triệu won, lãi suất 18% một năm. Ban Lãnh đạo muốn giảm tối thiểu tiền vay và trả nợ nhanh chóng; lãi suất được tính trên số dư và thanh toán khi trả nợ gốc. Giả sử rằng việc vay tiền diễn ra vào đầu các tháng, và trả nợ vào cuối các tháng. Tiền không bao giờ được vay vào đầu tháng và trả nợ vào cuối của cùng tháng đó. Tính toán lãi cho những nghìn won gần nhất.

<b>Tài sản có vào ngày 31 tháng 12</b>		<b>Tài sản nợ vào ngày 31 tháng 12</b>	
(nghìn won)			
Tài sản cố định ròng	10000	Cổ tức phải trả	1000
Bảo hiểm chưa đến hạn	1200	Tiền đi thuê phải trả	7000
Hàng tồn kho	31250	Chủ tín dụng	<u>28750</u>
Còn nợ	16000	Tổng tài sản nợ	36750
Tiền mặt	<u>4000</u>		
Tổng tài sản có	62450		

Doanh số bán gần đây và dự báo (triệu won):

Tháng 10	30000
Tháng 11	20000
Tháng 12	20000
Tháng 1	50000
Tháng 2	60000
Tháng 3	30000
Tháng 4	36000

**Nhiệm vụ:**

1- Chuẩn bị một kế hoạch tài chính, bao gồm báo cáo thu nhập dự tính, bảng cân đối, báo cáo thu và chi tiền mặt dự tính và các kế hoạch phụ trợ.

2- Giải thích tại sao có nhu cầu vay vốn ngân hàng và các nguồn tiền từ hoạt động nào cung cấp tiền mặt cho việc chi trả nợ ngân hàng.

**Bài 2: Tình huống công ty dịch vụ đất Công viên cây xanh**

Bạn là một cán bộ tín dụng mới của NH Best (BB). Một trong những công ty bạn phụ trách là công ty dịch vụ đất Công viên cây xanh (CVCX). CVCX bắt đầu hoạt động cách đây 5 năm, chuyên cung cấp các dịch vụ duy trì đất đai cho các khách hàng có mục đích thương mại và cá nhân. Các dịch vụ của công ty bao gồm: xây dựng vườn hoa và công viên, tưới tiêu, nuôi trồng cỏ, trồng và di chuyển hoa, cây, bụi cây. Công ty cũng có một vườn ươm để ươm trồng các loại thực vật, hoa, bụi cây và cây bán cho những người bán buôn và bán lẻ và các khách hàng có mục đích thương mại hay cá nhân. Để giảm ảnh hưởng của nhu cầu thời vụ đối với hoạt động kinh doanh của công ty, năm ngoái công ty bắt đầu cung cấp dịch vụ hỗ trợ làm sạch cho chính quyền thành phố, tỉnh trong mùa mưa. Mặc dù quyết định này giúp giảm nhẹ ảnh hưởng của mô hình nhu cầu thời vụ nhưng nó vẫn chưa hạn chế được những ảnh hưởng của mùa vụ.

Ban lãnh đạo của BB bắt đầu cảm thấy nản lòng vì sự thiếu hiểu biết của CVCX về nhu cầu tài trợ của công ty. Trong cuộc họp đầu tiên của bạn với Bà Không, trưởng phòng quản lý tín dụng của chi nhánh, bà ta nói: “Tôi rất không hài lòng với công ty này. Tôi bắt đầu cảm thấy mất niềm tin đối với ban lãnh đạo của công ty. Họ dường như không hiểu hoạt động kinh doanh của mình. Hàng tháng trong suốt bốn tháng qua, công ty luôn xin vay các khoản vay ngắn hạn. Công ty dường như không thể kiểm soát được các nhu cầu tài chính của họ. Tôi muốn mọi người có thể nói cho tôi biết rằng nhu cầu tài

chính của công ty là bao nhiêu và tôi sẽ đưa ra một sản phẩm cho vay thích hợp, đáp ứng được nhu cầu của công ty”.

Trong cuộc họp đầu tiên với CVCX, bạn nhận được một ngân sách tiền mặt hàng tháng không đầy đủ do lãnh đạo công ty lập. Ngân sách (đính kèm) bao gồm các thông tin về dòng tiền ra và dòng tiền vào của công ty như sau:

Mua sắm (hàng tồn kho)	Phí pháp lý và kế toán	Chi phí vốn
Dịch vụ công cộng	Quảng cáo và khuyến mại	Rút vốn/Lương của chủ sở hữu
Chi trả tiền gốc và lãi của các khoản vay hiện tại	Chi phí đi lại	

Trong cuộc họp đầu tiên của bà Công viên cây xanh, bạn đưa ra những câu hỏi thích hợp và thu thập được các thông tin hữu ích sau đây liên quan tới các dòng tiền ra và vào của công ty.

### **Các hợp đồng dài hạn - với các khu công nghiệp**

Công ty mới ký kết được hai hợp đồng hai năm với hai khu công nghiệp mới mở. Các điều kiện và điều khoản của hợp đồng như nhau. Công ty sẽ cung cấp cho hai khu công nghiệp này các dịch vụ về đất đai trên cơ sở hiện có. CVCX sẽ nhận được một khoản thanh toán hàng tháng tối thiểu là 74 triệu VND từ mỗi khu công nghiệp trong mùa thấp điểm (tháng 1, 2, 3,4). Tiền hàng tháng tối thiểu này sẽ tăng lên 148 triệu VND ở mùa cao điểm (tháng 5,6,7,8,9,10,11,12).

### **Thu nhập bằng tiền khác**

Dựa vào những kinh nghiệm trước đây, công ty dự tính rằng họ sẽ kiếm được 54 triệu VND mỗi tháng (trong mùa thấp điểm) từ việc bán cây, các loại thực vật, cây cảnh và hoa cho những người bán buôn và bán lẻ. Trong mùa cao điểm, công ty dự tính sẽ thu được khoảng 108 triệu VND mỗi tháng

### **Trả lương**

Các khoản mà chủ sở hữu nhận được, lương thay đổi hàng tháng tùy thuộc vào các nhu cầu mùa vụ. Hàng năm công ty thuê một hoặc hai nhóm nhân viên. Mỗi nhóm gồm một người giám sát, hai lái xe, mười công nhân. Mỗi người giám sát được trả 2trd một tháng, mỗi lái xe được trả 1trd một tháng, mỗi công nhân được trả 600 nghìn đồng một tháng.

Dựa vào dữ liệu trước bà Công viên cây xanh cho rằng tình hình nhân sự của công ty trong vòng 12 tháng tới sẽ như sau:

Tháng	số nhân viên	Tháng	số nhân viên
1	1	7	2
2	1	8	2
3	1	9	2
4	1	10	2
5	2	11	2
6	2	12	

Lãnh đạo nhấn mạnh rằng tiền lương trên không bao gồm các khoản chi trả bảo hiểm xã hội và y tế tương đương với 17% tiền lương.

#### **Tiền thuê**

Công ty phải trả 10,5 triệu đồng mỗi tháng để thuê 5000 mét vuông đất sử dụng. Văn phòng của công ty, nhà kho và khu đỗ xe chiếm gần 175 mét vuông. Công ty sử dụng phần đất còn lại để trồng thực vật, cây cối, hoa và cây cảnh để bán cho các nhà bán buôn và bán lẻ, các khách hàng có mục đích thương mại và cá nhân.

#### **Bảo hiểm**

Bảo hiểm hàng năm của công ty là 94 trđ được thanh toán vào tháng 1.

#### **Vốn chủ sở hữu**

Công viên cây xanh rút 45 trđ hàng tháng bao gồm cả các loại thuế liên quan

#### **Các giả thiết khác**

Các giả thiết sau đây khi lập ngân sách hàng tháng:

Lãi áp dụng với hạn mức tín dụng ngắn hạn (các khoản vay mới) là 9%.

Công ty cần duy trì khoảng 85trđ số dư tiền để trang trải cho các chi phí hoạt động.

#### **Bài tập:**

Sử dụng các thông tin trên đây, hãy hoàn thiện ngân sách tiền hàng tháng đính kèm và chuẩn bị để trả lời ba câu hỏi sau:

1, Theo cơ sở lý kế, dòng tiền của công có đủ để trang trải cho các chi phí hoạt động không?



11, CHI PHÍ LÃI (Các khoản vay mới)													
12, TIỀN TẠI QUỸ (cuối tháng)													
TỔNG TIỀN HIỆN CÓ/TỔNG CHI TIỀN													

### Bài 24

Cuối tháng 9 năm 2005, Công ty chế biến hàng xuất khẩu X gửi NHTM A hồ sơ vay vốn lưu động để thực hiện phương án SXKD của doanh nghiệp trong quý 4 năm 2005. Sau khi xem xét, cán bộ tín dụng của NH đã thống nhất về một số tình hình của doanh nghiệp như sau:

- Giá trị tài sản thế chấp là 6400 trđ
- Tổng chi phí để thực hiện phương án kinh doanh: 12.185 trđ

Trong đó:

- Chi phí vật tư (nguyên liệu chính, vật liệu phụ,...): 7.230 trđ
- Tiền lương CBCNV: 2.980 trđ
- Khấu hao TSCĐ: 1205 trđ
- Các chi phí SXKD khác: 770 trđ

Sau khi tính toán ngân hàng thấy rằng nguồn vốn ngân hàng có khả năng đáp ứng đủ nhu cầu vay vốn lưu động của doanh nghiệp, bằng 1,4% tổng nguồn vốn của ngân hàng. Kế hoạch cân đối vốn kinh doanh quý 4/2005 của ngân hàng có các chỉ tiêu như sau:

Đv: trđ

Sử dụng vốn		Nguồn vốn	
Nghịệp vụ ngân quỹ		Vốn huy động	
+ Dự trữ bắt buộc		+ Huy động dưới 24 tháng	
+ Quỹ đảm bảo khả năng thanh toán		+ Huy động trên 24 tháng	
Nghịệp vụ kinh doanh tín dụng	210.520	Vốn đi vay	18.600
Sử dụng vốn khác	46.280	Vốn tự có	32.400

- Vốn huy động dưới 24 tháng chiếm 65% vốn huy động

Trong tháng 12/2005 doanh nghiệp có phát sinh các nghịệp vụ kinh tế như sau:

Ngày 3/12: Khế ước số 15/9 đến hạn, số tiền: 242 trđ (trên tài khoản tiền gửi của công ty có đủ tiền để trả nợ NH)

Ngày 11/12 Vay mua vật tư 480 trđ

Vay chi thưởng cho công nhân 78 trđ

Vay thanh toán tiền điện cho SXKD 52 trđ

Ngày 17/12: Vay nộp thuế xuất khẩu 35 trđ

Vay thanh toán tiền lương cho công nhân 235 trđ

Vay tổ chức tham quan cho CBCNV 36 trđ

Ngày 25/12: Vay để trả nợ cho NHTM B số tiền 370 trđ

Vay mua vật tư 150 trđ

**Yêu cầu:**

1/ Xác định mức vốn cho vay NH thực hiện đối với khách hàng

2/ Tính tỷ lệ dự trữ bắt buộc và đảm bảo khả năng thanh toán ngân hàng A phải thực hiện trong quý 4/2005

3/ Giải quyết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 12/2005 (có giải thích)

**Biết rằng:**

- Để thực hiện phương án kinh doanh, doanh nghiệp sử dụng VLD tự có là 4.120 trđ và đi vay từ NHTM B là 3.010 trđ

- Trong nghiệp vụ ngân quỹ theo kế hoạch cân đối vốn của ngân hàng, dự trữ bắt buộc chiếm 40%

- Đến cuối ngày 30/11 công ty đã nhận tiền vay để thực hiện phương án kinh doanh số tiền là 3043 trđ, dư nợ tài khoản cho vay vốn lưu động của công ty là 4170 trđ

- Ngân hàng A thường cho vay tối đa bằng 70% giá trị tài sản thế chấp

- Các số liệu trên được giả định

Trong tháng 9 năm 200X, công ty gốm sứ Hải Dương gửi đến NHTM A kế hoạch vay vốn lưu động quý 4/200X. Sau khi xem xét kế hoạch SXKD quý 4 của công ty với các số liệu như sau:

- Tổng chi phí để thực hiện kế hoạch kinh doanh quý 4 là 37638 trđ

Trong đó:

+ Chi phí nguyên vật liệu (nguyên liệu chính, vật liệu phụ,...): 26516,8 trđ

+ Tiền lương CBCNV: 6168 trđ

+ Khấu hao tài sản cố định : 2546 trđ

+ Lợi nhuận định mức: 1506 trđ

+ Các chi phí SXKD khác: 901,2 trđ

- Doanh số trả nợ kế hoạch quý 4: 21520,8 trđ

Sau khi cân đối nhu cầu vay vốn của tất cả các khách hàng với khả năng nguồn vốn của mình, NH đã quyết định đáp ứng đầy đủ nhu cầu vay của doanh nghiệp và xác định HMTD bằng 0,1% tổng nguồn vốn của ngân hàng.

Từ ngày 1/10 đến cuối ngày 26/12 trên tài khoản cho vay theo hạn mức của doanh nghiệp có:

Phát sinh Nợ: 20715,6 trđ

Phát sinh Có: 21598,8 trđ

Trong 5 ngày cuối quý, doanh nghiệp có phát sinh một số nghiệp vụ kinh tế như sau:

Ngày 27/12: Vay để trả tiền mua men và bột màu: 854 trđ

Vay thanh toán tiền mua thiết bị: 187 trđ

Ngày 28/12: Vay chi thưởng quý 3 cho CBCNV: 405 trđ

Vay thanh toán tiền điện cho SXKD: 42 trđ

Ngày 29/12: Thu tiền bán hàng: 870 trđ

Vay thanh toán tiền chi quảng cáo: 18 trđ

Ngày 30/12: Vay thanh toán tiền mua ô tô chở hàng: 500 trđ

Vay mua xi măng phục vụ XD CB: 150 trđ

Ngày 31/12: Thu tiền nhận gia công lô hàng cho công ty Y: 525 trđ

Vay thanh toán tiền công xếp dỡ hàng hoá: 5 trđ

Vay để nộp thuế thu nhập doanh nghiệp: 450 trđ

#### **Yêu cầu:**

1/ Xác định HMTD quý 4/200X

2/ Giải quyết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong 6 ngày đầu tháng 10 (có giải thích)

3/ Xác định VLĐ tự có và các nguồn vốn khác doanh nghiệp sử dụng vào kinh doanh trong quý V/200X

#### **Biết rằng:**

- Dư nợ tài khoản cho vay theo hạn mức cuối ngày 30/9/200X: 5916 trđ

- Vòng quay vốn tín dụng KH quý 4 bằng vòng quay vốn lưu động

Trong kế hoạch cân đối vốn kinh doanh quý 4/200X của NH, nguồn vốn huy động là 5040 tỷ, trong đó vốn huy động có kỳ hạn trên 24 tháng là 1440 tỷ và các chỉ tiêu sử dụng vốn gồm có:

Dự trữ bắt buộc và dự trữ đảm bảo khả năng thanh toán.

Nghiệp vụ kinh doanh tín dụng: 5412 tỷ

Nghiệp vụ kinh doanh khác: 276 tỷ

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 3% và dự trữ đảm bảo thanh toán là 7%.

- Xí nghiệp không phát sinh NQH và dư nợ cuối quý 4 là dư nợ lành mạnh.

## **Bài 28**

Một doanh nghiệp dệt may xuất khẩu được ngân hàng thương mại A cho vay theo phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng. Sau khi xem xét kế hoạch vay vốn lưu động quý 4/200X của doanh nghiệp, ngân hàng đã thống nhất về một số tình hình như sau:

- Giá trị vật tư hàng hoá cần mua vào trong quý là: 14895.5 trđ

- Chi phí cho SXKD khác của khách hàng trong quý là: 655 trđ

- Giá trị sản lượng hàng hoá thực hiện: 13233.5 trđ

- Tài sản lưu động:

+ Đầu kỳ: 3720 trđ, trong đó vật tư hàng hoá kém phẩm chất chiếm 15%

+ Cuối kỳ: 4650 trđ, trong đó dự trữ vật liệu xây dựng cơ bản: 250 trđ

- Vốn lưu động tự có và các nguồn vốn khác doanh nghiệp dùng vào kinh doanh: 2730 trđ

- Giá trị tài sản thế chấp: 2812trđ

Từ ngày 1/10/200X đến hết ngày 26/12/200X trên tài khoản cho vay theo HMTD của doanh nghiệp:

- Doanh số phát sinh nợ: 4500 trđ

- Doanh số phát sinh có: 3820 trđ

Trong 5 ngày cuối quý doanh nghiệp có phát sinh một số nghiệp vụ kinh tế như sau:

- Ngày 27/12: Vay mua vật tư 450 trđ

Thu tiền nhận gia công sản phẩm 70 trđ

- Ngày 28/12: Vay thanh toán tiền điện khu nhà ở của cán bộ công nhân viên 25 trđ

- Ngày 29/12: Vay thanh toán sửa chữa thường xuyên máy móc thiết bị 38 trđ

Thu tiền bán hàng 458 trđ

- Ngày 30/12: Vay mua vật liệu xây dựng cho công trình mở rộng SX 65 trđ

- Ngày 31/12: Vay mua vật tư 160 trđ

Vay thanh toán tiền vận chuyển máy móc thiết bị 20trđ

### **Yêu cầu:**

1/ Ngân hàng phải thực hiện dự trữ bắt buộc và dự trữ ĐBKNTT là bao nhiêu?

2/ Xác định HMTD quý 4/200X cho doanh nghiệp

3/ Giải quyết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong 5 ngày cuối quý( có giải thích)

**Biết rằng:**

- Sau khi tính toán dựa trên nguồn vốn kế hoạch quý 4/200X của NHTM A gồm :

+Vốn huy động:18285914trđ                      +Vốn tự có:                      940194trđ

+Vốn vay                      2.871037trđ                      +Vốn khác:                      180355trđ

Ngân hàng thấy rằng có thể cho vay tối đa đối với doanh nghiệp bằng 0,03% dư nợ đối với khu vực KTQD.

- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc: 5%, tỷ lệ DTĐBKNTT: 8%

- Vốn huy động trên 24 tháng chiếm 60% tổng vốn huy động

- Tổng dư nợ của ngân hàng chiếm 75% tổng tài sản có. Trong đó dư nợ khu vực KTQD chiếm 40% tổng dư nợ.

- Số dư tài khoản cho vay theo HMTD của doanh nghiệp cuối ngày 30/9/200X: 860 trđ

- Xí nghiệp không phát sinh NQH và dư nợ cuối quý 4 là dư nợ lành mạnh.

**Bài 32**

Trong tháng 3 năm 200X công ty kỹ nghệ thực phẩm Việt Nam(FIC) gửi đến NHTM A hồ sơ xin vay vốn cố định để thực hiện dự án mở rộng sản xuất kinh doanh (Công ty tự làm) đáp ứng nhu cầu hàng hoá của người tiêu dùng. Sau khi xem xét và thẩm định dự án đầu tư, ngân hàng đã thống nhất với doanh nghiệp về các số liệu sau:

+ Tổng mức vốn đầu tư thực hiện dự án: 3 190 trđ

+ Vốn tự có thực hiện dự án bằng 35% tổng mức vốn đầu tư cho dự án.

+ Các nguồn vốn khác tham gia dự án là 350 trđ.

+ Giá trị tài sản thế chấp: 2 800 trđ

+ Lợi nhuận thu được hàng năm của doanh nghiệp sau khi thực hiện dự án: 1274trđ, tăng 30% so với trước khi thực hiện dự án.

Tại thời điểm ngân hàng xét duyệt hồ sơ vay vốn của FIC, tình hình nguồn vốn và sử dụng vốn của ngân hàng dự tính như sau:

Đơn vị:Trđ

<b>Tài sản có</b>		<b>Tài sản nợ</b>	
Ngân quỹ	277 920	Vốn huy động	2 516 000
Nghiệp vụ kinh doanh tín dụng	2 252 000	* Huy động tiền gửi	1 316 000
Cho vay ngắn hạn		* Huy động kỳ phiếu, trái phiếu	1 200 000
Cho vay trung dài hạn		Vốn tự có	945 000



**Bài 16:** Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh đồ Gỗ xuất khẩu Bình Hảo có nhu cầu vay từng lần để thực hiện hợp đồng xuất khẩu hàng cho một nhà nhập khẩu Nga. Tổng giá trị hợp đồng đã được quy đổi: 4680 triệu đồng (giả thiết hợp đồng đảm bảo nguồn thanh toán chắc chắn), thời gian giao hàng thoả thuận trong hợp đồng là 17/11/04. Bên nhập khẩu ứng trước tiền hàng là 1280 triệu đồng, số tiền còn lại sẽ được thanh toán sau khi giao hàng 2 tháng.

Để thực hiện hợp đồng, Công ty cần thực hiện những khoản chi phí sau:

- Chi phí mua nguyên vật liệu: 2135 triệu đồng.
- Chi trả công lao động: 567 triệu đồng.
- Khấu hao tài sản cố định: 1213 triệu đồng.
- Các chi phí khác: 89 triệu đồng.

Công ty xuất trình hợp đồng mua nguyên liệu ký ngày 15/8/04 trị giá 1010 triệu đồng, điều kiện thanh toán sau 1 tháng để đề nghị NH cho vay 1010 triệu đồng. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản thế chấp với giá thị trường 3500 triệu đồng với đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

**Yêu cầu:**

1. Hãy cho biết Ngân hàng có nên giải quyết cho vay đối với Công ty không? Vì sao?
2. Xác định mức cho vay, thời hạn cho vay?

**Biết rằng:**

- Lãi suất cho vay hiện hành 0.8%/tháng
- Vốn tự có của Công ty tham gia vào phương án KD: 689 triệu đồng.
- NH quy định mức cho vay tối đa bằng 70% giá trị tài sản thế chấp.

**Bài 48:** Có tài liệu dự tính về một dự án đầu tư như sau:

1. Tổng vốn đầu tư cố định của dự án: 13680 trđ
2. Nguồn vốn đầu tư:
  - Vốn chủ sở hữu: 3680 trđ
  - Vay ngân hàng: 10000 trđ, nợ vay trả đều trong 5 năm, kỳ thu nợ hàng năm, lãi tính trên số dư nợ và trả cùng với nợ gốc với lãi suất: 12%/năm.
3. Thời gian khấu hao TSCĐ là 6 năm, áp dụng phương pháp khấu hao tuyến tính (khấu hao đều)
4. Lợi nhuận trước thuế và lãi thu được hàng năm trong 5 năm hoạt động đầu tiên của dự án lần lượt là: 1134 trđ, 1248 trđ, 1367 trđ, 1487 trđ, 1589 trđ.
5. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 28%

6. Nguồn trả nợ hàng năm là toàn bộ khấu hao TSCĐ và 50% lợi nhuận sau thuế.

Yêu cầu: Hãy xác định xem dự án có khả năng trả nợ theo kế hoạch hay không?